

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT ĐỀ NGHỊ THU HỒI
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ GPMB CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH**

ĐỊA ĐIỂM: THÔN PHƯỢNG GIÁO, XÃ LƯƠNG TÀI, TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /01/2026 của UBND xã Lương Tài)

TT	Họ và tên chủ hộ	Vợ (chồng)	Địa chỉ thường trú/quê quán	Tờ bản đồ số	Số hiệu thửa đất	Loại đất	Xứ đồng	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Bích	Chu Thị Nhung	thôn Phượng Giáo	49	255	LUC	Đồng Sau	113.1	90.7	22.4	
2	Nguyễn Văn Chinh	Nguyễn Thị Cảnh	thôn Phượng Giáo	100	354	LUC	Đồng Sau	144.7	73.6	71.1	
2	Nguyễn Văn Chinh	Nguyễn Thị Cảnh	thôn Phượng Giáo	108	3	LUC	Đồng Sau	504	504	0	
2	Nguyễn Văn Chinh	Nguyễn Thị Cảnh	thôn Phượng Giáo	108	8	LUC	Đồng Sau	82	82	0	
3	Nguyễn Văn Chục	Nguyễn Thị Huệ	thôn Phượng Giáo	100	294	LUC	Đồng Sau	541.2	541.2	0	
3	Nguyễn Văn Chục	Nguyễn Thị Huệ	thôn Phượng Giáo	108	11	LUC	Đồng Sau	80	80	0	
3	Nguyễn Văn Chục	Nguyễn Thị Huệ	thôn Phượng Giáo	108	31	LUC	Đồng Sau	72	72	0	
4	Nguyễn Văn Chuyên (Chết)	Nguyễn Thị Thắng	thôn Phượng Giáo	100	271	LUC	Đồng Sau	396	396	0	
5	Chu Thị Côn		thôn Phượng Giáo	108	15	LUC	Đồng Sau	240	240	0	
6	Nguyễn Thị Cúc	Nguyễn Văn Hào	thôn Phượng Giáo	108	24	LUC	Đồng Sau	150.6	134.9	15.7	
6	Nguyễn Thị Cúc	Nguyễn Văn Hào	thôn Phượng Giáo	108	41	LUC	Đồng Sau	100.4	81.4	19	
7	Nguyễn Văn Đại	Đỗ Thị Nghĩa	thôn Phượng Giáo	100	329	LUC	Đồng Sau	296	296	0	
8	Nguyễn Văn Diệu	Tăng Thị Thành	thôn Phượng Giáo	108	6	LUC	Đồng Sau	108	108	0	
8	Nguyễn Văn Diệu	Tăng Thị Thành	thôn Phượng Giáo	108	43	LUC	Đồng Sau	72	72	0	
9	Chu Văn Duy	Đinh Thị Đến	thôn Phượng Giáo	100	312	LUC	Đồng Sau	432	432	0	
10	Chu Thị Hiền	Nguyễn Văn Đạo	thôn Phượng Giáo	108	14	LUC	Đồng Sau	130.1	130.1	0	
11	Nguyễn Văn Hóa	Nguyễn Thị Ninh	thôn Phượng Giáo	100	319	LUC	Đồng Sau	178	69.7	108.3	
11	Nguyễn Văn Hóa	Nguyễn Thị Ninh	thôn Phượng Giáo	108	21	LUC	Đồng Sau	280	120.6	159.4	
12	Vũ Duy Hoan	Trương Thị Mận	thôn Phượng Giáo	100	282	LUC	Đồng Sau	220.5	220.2	0.3	
12	Vũ Duy Hoan	Trương Thị Mận	thôn Phượng Giáo	100	317	LUC	Đồng Sau	256	256	0	Chưa cấp gcn
13	Nguyễn Thị Hợi		thôn Phượng Giáo	100	301	LUC	Đồng Sau	216.1	216.1	0	
13	Nguyễn Thị Hợi		thôn Phượng Giáo	100	344	LUC	Đồng Sau	120.2	120.2	0	
14	Phùng Đức Khánh	Nguyễn Thị Thùy	thôn Phượng Giáo	100	297	LUC	Đồng Sau	72.1	72.1	0	
14	Phùng Đức Khánh	Nguyễn Thị Thùy	thôn Phượng Giáo	100	311	LUC	Đồng Sau	307.9	304.8	3.1	
15	Nguyễn Văn Khoản	Chu Thị Hồng	thôn Phượng Giáo	108	18	LUC	Đồng Sau	127	93.4	33.6	

15	Nguyễn Văn Khoản	Chu Thị Hồng	thôn Phương Giáo	108	32	LUC	Đông Sau	95.3	61.8	33.5
16	Chu Văn Kiên	Nguyễn Thị Quyển	thôn Phương Giáo	49	254	LUC	Đông Sau	200.1	161.2	38.9
16	Chu Văn Kiên	Nguyễn Thị Quyển	thôn Phương Giáo	100	303	LUC	Đông Sau	276	276	0
16	Chu Văn Kiên	Nguyễn Thị Quyển	thôn Phương Giáo	100	355	LUC	Đông Sau	108	108	0
16	Chu Văn Kiên	Nguyễn Thị Quyển	thôn Phương Giáo	108	1	LUC	Đông Sau	60	60	0
17	Nguyễn Văn Lê		thôn Phương Giáo	100	330	LUC	Đông Sau	120	120	0
18	Nguyễn Thị Mai		thôn Phương Giáo	108	12	LUC	Đông Sau	113.3	113.3	0
18	Nguyễn Thị Mai		thôn Phương Giáo	108	35	LUC	Đông Sau	75.6	74.1	1.5
19	Chu Văn Minh (đã chết)	Nguyễn Thị Tư	thôn Phương Giáo	100	285	LUC	Đông Sau	311.3	311.3	0
19	Chu Văn Minh (đã chết)	Nguyễn Thị Tư	thôn Phương Giáo	108	19	LUC	Đông Sau	304	299.1	4.9
19	Chu Văn Minh (đã chết)	Nguyễn Thị Tư	thôn Phương Giáo	108	36	LUC	Đông Sau	144	121.9	22.1
20	Nguyễn Thị Mừng		thôn Phương Giáo	49	264	LUC	Đông Sau	144	111.4	32.6
21	Nguyễn Quang Nghiệp	Nguyễn Thị Lê	thôn Phương Giáo	100	334	LUC	Đông Sau	80	80	0
22	Phùng Đức Ngoạn (Chết)		thôn Phương Giáo	100	299	LUC	Đông Sau	156.7	156.7	0
22	Phùng Đức Ngoạn (Chết)		thôn Phương Giáo	100	318	LUC	Đông Sau	330	330	0
22	Phùng Đức Ngoạn (Chết)		thôn Phương Giáo	100	356	LUC	Đông Sau	56	56	0
23	Nguyễn Thị Ngọc		thôn Phương Giáo	100	314	LUC	Đông Sau	359	359	0
24	Nguyễn Văn Ngọc (Chết)	Nguyễn Thị Chuyền	thôn Phương Giáo	100	295	LUC	Đông Sau	426.2	426.2	0
25	Nguyễn Thị Quy (Chết)	Nguyễn Văn Quận - con trai	thôn Phương Giáo	100	296	LUC	Đông Sau	398.9	398.9	0
26	Nguyễn Đăng Quý	Đỗ Thị Khen	thôn Phương Giáo	108	20	LUC	Đông Sau	64	64	0
26	Nguyễn Đăng Quý		thôn Phương Giáo	108	28	LUC	Đông Sau	183.1	2.4	180.7
27	Vũ Duy Sơn		thôn Phương Giáo	100	283	LUC	Đông Sau	257.3	257.3	0
28	Chu Văn Sỹ	Chu Văn Duy - con trai	thôn Phương Giáo	100	300	LUC	Đông Sau	173.2	173.2	0
28	Chu Văn Sỹ	Chu Văn Duy - con trai	thôn Phương Giáo	108	9	LUC	Đông Sau	188.8	188.8	0
29	Nguyễn Văn Tâm	Nguyễn Thị Nhường	thôn Phương Giáo	100	284	LUC	Đông Sau	306.2	306.2	0
29	Nguyễn Văn Tâm		thôn Phương Giáo	108	22	LUC	Đông Sau	128	78.2	49.8
29	Nguyễn Văn Tâm		thôn Phương Giáo	108	42	LUC	Đông Sau	72	50.3	21.7
30	Chu Văn Tấn		thôn Phương Giáo	100	287	LUC	Đông Sau	192	192	0
30	Chu Văn Tấn		thôn Phương Giáo	100	313	LUC	Đông Sau	135.8	135.8	0
31	Chu Văn Tạo	Trần Thị Dinh	thôn Phương Giáo	100	286	LUC	Đông Sau	256.2	256.2	0

31	Chu Văn Tạo	Trần Thị Dinh	thôn Phương Giáo	108	17	LUC	Đông Sau	161	135.3	25.7	
32	Nguyễn Văn Thanh		thôn Phương Giáo	100	338	LUC	Đông Sau	98	24.9	73.1	
32	Nguyễn Văn Thanh		thôn Phương Giáo	108	25	LUC	Đông Sau	142.9	79.3	63.6	
33	Chu Văn Thêm	Phùng Thị Bẩy	thôn Phương Giáo	49	262	LUC	Đông Sau	135.6	107.7	27.9	
34	Nguyễn Văn Thi	Chu Thị Huệ	thôn Phương Giáo	100	316	LUC	Đông Sau	200.7	200.7	0	
34	Nguyễn Văn Thi		thôn Phương Giáo	100	349	LUC	Đông Sau	120.4	120.4	0	
35	Nguyễn Quang Thọ (đã chết)	Nguyễn Quang Thịnh - con trai	thôn Phương Giáo	49	263	LUC	Đông Sau	168.4	131.7	36.7	
35	Nguyễn Quang Thọ (đã chết)	Nguyễn Quang Thịnh - con trai	thôn Phương Giáo	100	332	LUC	Đông Sau	90	90	0	
35	Nguyễn Quang Thọ (đã chết)	Nguyễn Quang Thịnh - con trai	thôn Phương Giáo	100	331	LUC	Đông Sau	160	160	0	Chưa cấp gcn
36	Nguyễn Thị Thoa	Nguyễn Văn Trọng - con trai	thôn Phương Giáo	49	265	LUC	Đông Sau	126.8	96.6	30.2	
36	Nguyễn Thị Thoa		thôn Phương Giáo	100	357	LUC	Đông Sau	144	138.1	5.9	
37	Nguyễn Văn Thông	Nguyễn Thị Yên - con gái	thôn Phương Giáo	100	272	LUC	Đông Sau	172.2	171.5	0.7	
37	Nguyễn Văn Thông		thôn Phương Giáo	100	350	LUC	Đông Sau	59.8	59.8	0	
37	Nguyễn Văn Thông		thôn Phương Giáo	108	7	LUC	Đông Sau	129	129	0	
37	Nguyễn Văn Thông		thôn Phương Giáo	108	40	LUC	Đông Sau	62	62	0	
38	Nguyễn Quang Thụ		thôn Phương Giáo	100	333	LUC	Đông Sau	92	92	0	Chưa cấp gcn
38	Nguyễn Quang Thụ		thôn Phương Giáo	100	358	LUC	Đông Sau	48	48	0	Chưa cấp gcn
39	Nguyễn Văn Thục	Nguyễn Thị Mừng	thôn Phương Giáo	49	278	LUC	Đông Sau	285	86.7	198.3	
40	Nguyễn Thị Tin		thôn Phương Giáo	108	10	LUC	Đông Sau	108	108	0	
40	Nguyễn Thị Tin		thôn Phương Giáo	108	33	LUC	Đông Sau	72	72	0	
41	Nguyễn Thị Toán (đã chết)	Nguyễn Thị Thành - con dâu	thôn Phương Giáo	49	270	LUC	Đông Sau	96.4	61.2	35.2	
42	Nguyễn Văn Toàn	Nguyễn Thị Tịnh	thôn Phương Giáo	108	23	LUC	Đông Sau	92	77.1	14.9	
43	Nguyễn Văn Tôn	Vũ Thị Phương	thôn Phương Giáo	49	266	LUC	Đông Sau	264.1	115	149.1	
44	Nguyễn Văn Truy	Chu Thị Mái	thôn Phương Giáo	108	5	LUC	Đông Sau	116	116	0	
45	Nguyễn Văn Từ	Nguyễn Thị Nhạn	thôn Phương Giáo	49	267	LUC	Đông Sau	144	84.5	59.5	
46	Chu Thế Tuấn	Nguyễn Thị Lý	thôn Phương Giáo	108	13	LUC	Đông Sau	72	72	0	
46	Chu Thế Tuấn		thôn Phương Giáo	108	44	LUC	Đông Sau	54	54	0	
47	Nguyễn Văn Tuế	Nguyễn Thị Hóa	thôn Phương Giáo	100	328	LUC	Đông Sau	180	180	0	
48	Nguyễn Thị Vi	Chu Văn Tự	thôn Phương Giáo	100	315	LUC	Đông Sau	288.2	288.2	0	
48	Nguyễn Thị Vi	Chu Văn Tự	thôn Phương Giáo	108	16	LUC	Đông Sau	121.5	121.5	0	

49	Nguyễn Văn Vụ	Chu Thị Cảnh	thôn Phương Giáo	108	4	LUC	Đông Sau	159	159	0	
50	Nguyễn Thị Vui		thôn Phương Giáo	100	327	LUC	Đông Sau	221	221	0	
51	Nguyễn Văn Vững	Nguyễn Thị Dàn	thôn Phương Giáo	100	326	LUC	Đông Sau	288	288	0	
51	Nguyễn Văn Vững		thôn Phương Giáo	100	348	LUC	Đông Sau	58	58	0	
52	Vũ Thị Hương		thôn Phương Giáo	50	81	LUC	Đông Râm B	1690.5	126.3	1564.2	(393,5 m ² lâu dài + 618,8 m ² tạm giao)
53	UBND xã			49	419	LUC	Đông Sau	76.2	61.6	14.6	Hộ Nguyễn Văn Kiểm, Thành đang canh tác
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	275	LUC	Đông Sau	356	1.6	354.4	thu hồi hộ ông Nguyễn Văn Nhiệm 1,6 m ² trong chi giới dự án đường
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	108	37	LUC	Đông Sau	37.2	11.2	26	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- Bà Nguyễn Thị Mừng
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	271	LUC	Đông Sau	88	23.6	64.4	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- hộ ông Chu Văn Tạo
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	436	LUC	Đông Sau	72.8	1.1	71.7	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- hộ ông Chu Văn Tạo
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	276	LUC	Đông Sau	194	17.7	176.3	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- hộ ông Nguyễn Văn Thanh
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	108	29	LUC	Đông Sau	205.9	41.9	164	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- Hộ ông Nguyễn Văn Thục (Mừng)
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	108	38	LUC	Đông Sau	86.3	7.1	79.2	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- Hộ ông Nguyễn Văn Thục (Mừng)
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	108	39	LUC	Đông Sau	48	36.1	11.9	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- hộ ông Nguyễn Văn Toàn
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	272	LUC	Đông Sau	96	50.2	45.8	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- Hộ ông Nguyễn Văn Tôn
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	277	LUC	Đông Sau	191	36	155	Đã thu hồi hết thửa theo QĐ số 687/QĐ-UBND ngày 16/4/2021- Hộ Bà Nguyễn Thị Vi
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	108	2	LUC	Đông Sau	190.3	190.3	0	
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	253	CLN	Đông Sau	348.1	348.1	0	
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	41	87	CLN	Đông Sau	84.9	84.6	0.3	
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	252	CLN	Đông Sau	103.5	103.5	0	
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	41	88	NTS	Đông Sau	424	423.6	0.4	
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	251	NTS	Đông Sau	428.1	428.1	0	

53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	250	DGT	Đông Sau	133.7	133.7	0
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	256	DTL	Đông Sau	292.5	277.1	15.4
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	282	DTL	Đông Sau	473.1	20.9	452.2
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	49	291	DTL	Đông Sau	183.3	30	153.3
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	50	80	DTL	Đông Sau	356.5	63.3	293.2
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	50	96	DGT	Đông Sau	2285.9	106.7	2179.2
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	100	265	DGT	Đông Sau	850.4	2.8	847.6
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	100	298	DTL	Đông Sau	70.2	57.7	12.5
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	100	302	DTL	Đông Sau	215.8	112.1	103.7
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	100	306	DGT	Đông Sau	124.5	44.4	80.1
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	108	27	DGT	Đông Sau	85.4	47.3	38.1
53	UBND xã		thôn Phương Giáo	41	276	DGT	Đông Sau	4646.9	74.3	4572.6
Tổng								30123.9	17108.4	13015.5